

Số: 2103/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc
thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 106/TTr-TTT ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục gồm **32** thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 17 thủ tục, cấp huyện: 08 thủ tục, cấp xã: 07 thủ tục*) chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qppl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, nghiên cứu thực hiện.

2. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm:

- Bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (*tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>*) và Trang thông tin điện tử của đơn vị; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để đăng tải, công khai, niêm yết, cập nhật dữ liệu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý *(nếu có thay đổi)* để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định.

- Kể từ ngày ban hành Quyết định này, trên cơ sở Quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính của các cơ quan Trung ương, Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo ngành, lĩnh vực quản lý *(kể cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh)* theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 30/8/2023.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo bộ phận có liên quan phối hợp với Thanh tra tỉnh cập nhật đầy đủ danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định *(chậm nhất trong thời gian 05 ngày kể từ ngày các Quyết định có hiệu lực)*.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo công khai, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm QTI, VNPT;
- Bộ phận Một cửa cấp huyện;
- CPVP;
- Lưu: VT, TTPVHCCQN, HCTC. NCKS.

I:\Dropbox\CÔNG2023\RA SOAT-CHUAN HOA\QD CHUAN HOA\Thanhtra\0109-QD CH.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (17)									
I. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH (3)									
1. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại (2)									
1.1	2.002407.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Theo Điều 28 Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
1.2	2.002411.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Theo Điều 37 Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
2. Lĩnh vực giải quyết tố cáo (1)									
2.1	2.002394.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	x			Không	Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.
Tổng cộng			03		03				
II. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH (5)									
1. Lĩnh vực tiếp công dân (1)									
1.1	2.002175.000.00.00.H47	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân 2013: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban tiếp công dân cấp tỉnh.	x			Không	Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 04/2021/TT-TTTP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ ban hành Quy định qui trình tiếp công dân.
2. Lĩnh vực xử lý đơn thư (1)									
2.1	2.001899.000.00.00.H47	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày	Ban tiếp công dân cấp tỉnh.	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
3. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (3)									
3.1	2.002400.000.00.00.H47	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	37 ngày	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3.2	2.002402.000.00.00.H47	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	5 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3.3	2.002403.000.00.00.H47	Thủ tục thực hiện việc giải trình	45 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
Tổng cộng		05			05				
III. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA THANH TRA TỈNH, CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH (8)									
1. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại (2)									
1.1	2.002407.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Theo Điều 28 Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh); Thanh tra Sở, cơ quan chuyên	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
			không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	môn thuộc Sở (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Giám đốc sở và cấp tương đương).					
1.2	2.002411.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	<p>Theo Điều 37 Luật Khiếu nại 2011:</p> <p>Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p> <p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p>	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh); Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc Sở (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Giám đốc sở và cấp tương đương).	x			Không	<p>Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020;</p> <p>Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.</p>
2. Lĩnh vực giải quyết tố cáo (1)									
2.1	2.002394.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	<p>Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p>	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh); Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc Sở (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Giám đốc sở và cấp tương đương).	x			Không	<p>Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;</p> <p>Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.</p>

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
3. Lĩnh vực tiếp công dân (1)									
3.1	2.002175.000.00.00.H47	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân 2013: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh); Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc Sở (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Giám đốc sở và cấp tương đương).	x			Không	Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư số 04/2021/TT-TTTP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ.
4. Lĩnh vực xử lý đơn thư (1)									
4.1	2.001899.000.00.00.H47	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày	Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh); Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc Sở (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền Giám đốc sở và cấp tương đương).	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ
5. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (3)									
5.1	2.002400.000.00.00.H47	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	37 ngày	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
				nước; các doanh nghiệp nhà nước.					
5.2	2.002402.000.00.00.H47	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	5 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.
5.3	2.002403.000.00.00.H47	Thủ tục thực hiện việc giải trình	45 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.
Tổng cộng			08		08				
III. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA THANH TRA TỈNH (1)									
1. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (1)									
1.1	2.002401.000.00.00.H47	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	133 ngày	Thanh tra tỉnh	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ
Tổng cộng			01		01				
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (8)									
1. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại (2)									
1.1	2.002408.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	Theo Điều 28 Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Ủy ban nhân dân huyện; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
1.2	2.002412.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	<p>Theo Điều 37 Luật Khiếu nại 2011:</p> <p>Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p> <p>Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.</p>	Ủy ban nhân dân huyện; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.	x			Không	<p>Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020;</p> <p>Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ</p>
2. Lĩnh vực giải quyết tố cáo (1)									
2.1	2.002395.000.00.00.H47	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	<p>Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p>	Ủy ban nhân dân huyện; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.	x			Không	<p>Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ ;</p> <p>Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ</p>
3. Lĩnh vực tiếp công dân (1)									
3.1	2.002174.000.00.00.H47	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	<p>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân 2013: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.</p>	Ủy ban nhân dân huyện; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.	x			Không	<p>Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ;</p> <p>Thông tư số 04/2021/TT-TTTP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ.</p>

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
4. Lĩnh vực xử lý đơn thư (1)									
4.1	2.001879.00 0.00.00.H47	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	10 ngày	Ủy ban nhân dân huyện; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ ; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.
5. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (3)									
5.1	2.002400.000 .00.00.H47	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	37 ngày	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.
5.2	2.002402.000 .00.00.H47	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	5 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ .
5.3	2.002403.000 .00.00.H47	Thủ tục thực hiện việc giải trình	45 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ
Tổng cộng		08			08				

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (7)									
1. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại (1)									
1.1	2.002409.000 .00.00.H47	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Theo Điều 28 Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Ủy ban nhân dân xã; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.
2. Lĩnh vực giải quyết tố cáo (1)									
2.1	2.002396.000 .00.00.H47	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Ủy ban nhân dân xã; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.	x			Không	Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.
3. Lĩnh vực tiếp công dân (1)									
3.1	2.002.175.00 0.00.00.H47	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân 2013: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm	Ủy ban nhân dân xã; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.	x			Không	Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Thông tư số 04/2021/TT-TTTP ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thanh tra Chính

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Một phần	Toàn trình		
			trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.						phủ.
4. Lĩnh vực xử lý đơn thư (1)									
4.1	2.001801.000 .00.00.H47	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	10 ngày	Ủy ban nhân dân xã; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.	x			Không	Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ .
5. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (3)									
5.1	2.002400.000 .00.00.H47	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	37 ngày	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước.	x			Không	Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ .
5.2	2.002402.000 .00.00.H47	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	5 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	
5.3	2.002403.000 .00.00.H47	Thủ tục thực hiện việc giải trình	45 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	x			Không	
Tổng cộng			07		07				